

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HƯƠNG SƠN
TỈNH HÀ TĨNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2023/HS-ST
Ngày 18 - 01 - 2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HƯƠNG SƠN, TỈNH HÀ TĨNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Mai Văn Đạt.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Đình Phước; bà Phạm Thị Oanh.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Lê Thế Hồng, Thẩm tra viên chính Tòa án nhân dân huyện Hương Sơn, tỉnh Hà Tĩnh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hương Sơn, tỉnh Hà Tĩnh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Tiến Phong - Kiểm sát viên.

Ngày 18/01/2023, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Hà Tĩnh, xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 73/2022/TLST-HS ngày 23/12/2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2023/QĐXXST-HS ngày 06/01/2023, đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Lê Văn N, sinh ngày 10/11/1976 tại thị trấn P, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh; nơi cư trú: Tổ dân phố 7, thị trấn P, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 11/12; con ông Lê Văn T, sinh năm 1944 và bà Đinh Thị L, sinh năm 1948; có vợ: Nguyễn Ngọc H (đã ly hôn) và 04 đứa con, lớn nhất 20 tuổi, nhỏ nhất 04 tuổi; tiền án, tiền sự: Không; bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

2. Họ và tên: Đỗ Tiến D, sinh ngày 19/02/1996 tại xã Q, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh; nơi cư trú: Tổ dân phố 9, thị trấn P, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 11/12; con ông Đỗ Ngọc L1 (đã chết) và bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1965; có vợ: Đoàn Thị Ngọc A và 01 đứa con, 04 tuổi; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giữ ngày 15/10/2022 chuyển tạm giam từ ngày 24/10/2022, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Hà Tĩnh; có mặt.

- Bị hại:

+ Công ty Cổ phần Đầu tư thương mại phát triển N; địa chỉ: 18A C, phường 12, quận T, thành phố Hồ Chí Minh, do ông Nguyễn Văn T1, chức vụ: Tổng Giám đốc, làm người đại diện theo pháp luật - Ủy quyền cho ông Trương Xuân T2, chức vụ: Phó Giám đốc Công ty Cổ phần đầu tư thương mại phát triển N - Chi nhánh N; vắng mặt.

+ Anh Lê Văn N1, sinh năm 1976; nghề nghiệp: Lao động tự do; địa chỉ: Tổ dân phố 7, thị trấn P, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh (Lê Văn N1 cũng là bị cáo trong vụ án); có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ Anh Trần Quốc H1, sinh năm 1996; nghề nghiệp: Lao động tự do; địa chỉ: Tổ dân phố 10, thị trấn P, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh; vắng mặt.

+ Chị Đào Thị Hiền L1, sinh năm 1970; nghề nghiệp: Lao động tự do; địa chỉ: Tổ dân phố 9, thị trấn P, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh; có mặt.

- *Người làm chứng:*

+ Chị Phạm Thị Hà G, sinh năm 1990; địa chỉ: Tổ dân phố 9, thị trấn P, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh; vắng mặt.

+ Anh Dương Quốc Đ, sinh năm 1990; địa chỉ: Thôn Đ, xã Đ, huyện T, tỉnh Nghệ An; vắng mặt.

+ Chị Đoàn Thị Ngọc A, sinh năm 1999; địa chỉ: Thôn X, xã Q, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lê Văn N, sinh năm 1976, trú tại tổ dân phố 7, thị trấn P, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh là nhân viên của cửa hàng đồng vận chuyển hàng điện tử của Công ty Cổ phần Đầu tư thương mại phát triển N - Chi nhánh N (Công ty N). N được Công ty giao nhiệm vụ nhận các kiện hàng (hàng điện tử) từ các cửa hàng Thế giới di động, Điện máy xanh trên địa bàn huyện H, tỉnh Hà Tĩnh sau đó chuyển về kho của công ty. Lợi dụng việc được công ty giao quản lý các kiện hàng, trong quá trình chờ nhân viên đến chuyển hàng về kho, N đã bốn lần chiếm đoạt tài sản của công ty, sua đó nhờ Đỗ Tiến D, sinh năm 1996, trú tại tổ dân phố 9, thị trấn P, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh (thuê phòng trọ gần chỗ N ở) mang các tài sản của công ty đi cầm cố lấy tiền. Cụ thể như sau:

Lần thứ nhất: Vào ngày 11/7/2022, sau khi N nhận các kiện hàng từ cửa hàng Thế giới di động đưa về phòng trọ thuộc tổ dân phố 9, thị trấn P, huyện H để chờ xe của công ty đến nhận hàng. Lúc này, N nảy sinh ý định lấy tài sản của công ty mang đi cầm cố nên đã lấy 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 13 Promax 128GB Aline Green (còn nguyên hộp chưa sử dụng), màu xanh trong số các kiện hàng mà N vừa nhận và cất giấu tại phòng trọ của mình. Sau đó N tiến hành đóng gói, niêm phong các kiện hàng còn lại trong bao tải theo quy định của công ty. Đến khoảng 15 giờ cùng ngày, anh Dương Quốc Đ, sinh năm 1977, là lái xe của công ty N điều khiển xe tải đến phòng trọ của N để nhận hàng. Do tin tưởng N nên anh Đ đã nhận hàng mà không kiểm tra lại. Đến ngày 12/7/2022, N nhờ Đỗ Tiến D, đưa chiếc điện thoại nói trên mang đi cầm cố để lấy tiền. Khi đưa cho D, N nói với D chiếc điện thoại này là tài sản của công ty không được phép cầm cố nhưng vì cần tiền nên chỉ mang đi cầm cố ít ngày rồi

lấy ra trả lại. D đồng ý và đưa chiếc điện thoại này đến cửa hàng cầm đồ A, tại tổ dân phố 5, thị trấn P, huyện H để cầm cố cho chị Đào Thị Hiền L, sinh năm 1970 với giá là 9.000.000đ. Chị L chuyển khoản vào số tài khoản của N số tiền 6.350.000đ, còn số tiền 2.650.000đ đưa trực tiếp cho D. Sau đó D không thông qua N mà tự ý thỏa thuận bán chiếc điện thoại này cho chị L và nhận thêm từ chị L số tiền 7.000.000đ, số tiền này D không đưa lại cho N mà tiêu xài hết.

Lần thứ hai: Vào ngày 16/8/2022 N lấy 01 chiếc máy tính xách tay, nhãn hiệu Asus (còn nguyên hộp chưa sử dụng), màu bạc, kèm theo bộ sạc máy tính của công ty và nhờ D đi cầm cố lấy tiền. Khi đưa cho D, Nam nói với D chiếc máy tính này là tài sản của công ty không được phép cầm cố nhưng vì cần tiền nên chỉ mang đi cầm cố ít ngày rồi lấy ra trả lại thì D đồng ý. Sau đó D mang máy tính này đến nhà của anh Trần Quốc H, sinh năm 1996, trú tại tổ dân phố 10, thị trấn P (là bạn của D) để vay tiền. Khi vay tiền, D để lại chiếc máy tính trên để thế chấp làm tin, anh H đồng ý nên đưa cho D số tiền 7.000.000đ. Sau đó D đưa lại toàn bộ số tiền này cho N. Số tiền này N đã tiêu xài cá nhân hết.

Lần thứ ba: Vào ngày 23/8/2022 N lấy một chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 13 Promax 128GB Graphite, màu xám của công ty rồi đưa cho D đi cầm cố lấy tiền để trả cho H chuộc lại máy tính Asus. Khi đưa cho D, N nói với D chiếc điện thoại này là tài sản của công ty không được phép cầm cố nhưng vì cần tiền nên chỉ mang đi cầm cố ít ngày rồi lấy ra trả lại, D đồng ý. D mang chiếc điện thoại này đến cửa hàng cầm đồ A cầm cố với giá 10.000.000đ rồi đưa toàn bộ số tiền này về cho N. Số tiền này N đã tiêu xài hết.

Lần thứ 4: Vào ngày 29/8/2022, N lấy chiếc điện thoại di động Iphone 11 64GB Green, màu xanh của công ty đưa cho D đi cầm cố để lấy tiền chuộc lại điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 13 Promax 128GB Graphite, màu xám mà D đã cầm cố trước đó. Khi đưa cho D, N nói với D chiếc điện thoại này là tài sản của công ty không được phép cầm cố nhưng vì cần tiền nên chỉ mang đi cầm cố ít ngày rồi lấy ra trả lại, D đồng ý. D mang chiếc điện thoại Iphone 11 64GB Green đi đến cửa hàng cầm đồ A cầm cố cho chị L với giá 5.000.000đ. Sau đó D đi về phòng trọ và nói với N chiếc điện thoại đó chỉ cầm được 5.000.000đ và số tiền này không đủ để chuộc chiếc điện thoại Iphone 13 Promax 128GB Graphite, màu xám đã cầm cố trước đó, khi này giữa N và D xảy ra mâu thuẫn, D bỏ đi và cầm theo số tiền 5.000.000đ rồi tiêu xài hết.

Ngày 30/8/2022, N nhắn tin yêu cầu D chuộc lại hết các tài sản đã cầm cố trước đó. Lúc này do thiếu tiền tiêu xài cá nhân, nên D đã nảy sinh ý định lừa đảo chiếm đoạt tiền của N nên D đã nói với N hiện đã vay mượn gần đủ số tiền để chuộc lại tài sản và yêu cầu N chuyển khoản số tiền 2.000.000đ để đi chuộc, nhưng thực tế D không có số tiền như đã nói với N. Nghe D nói vậy, N đã tin tưởng nên đã nhờ chị Phạm Thị Trà G, sinh năm 1990, trú cùng dãy trọ với N chuyển khoản vào số tài khoản của D với số tiền 2.000.000đ đồng thời D trả cho chị G số tiền 2.000.000đ bằng tiền mặt. Sau khi nhận được tiền mà N chuyển, D đã tiêu xài cá nhân hết. Sau đó, D đã đến quán cầm đồ A để thỏa thuận bán cho chị L chiếc điện thoại Iphone 13 Promax 128GB Graphite, màu xám với giá

15.000.000đ và chiếc điện thoại di động Iphone 11 64GB Green, màu xanh với giá 5.500.000đ rồi nhận từ chị L số tiền đưa thêm là 5.500.000đ (trừ đi số tiền đã nhận khi đến cầm cố), toàn bộ số tiền này D tiêu xài cá nhân hết.

Đến ngày 15/10/2022, biết hành vi của mình đã bị phát hiện nên Lê Văn N và Đỗ Tiến D đã đến cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện H, tỉnh Hà Tĩnh đầu thú, khia nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Theo kết Luận định giá tài sản số 44,45,46,47/KLĐG-HĐĐGTS ngày 21/10/2022 của Hội đồng định giá tài sản thường xuyên trong Tổ tụng hình sự của UBND huyện H, kết luận: 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 64GB Green, màu xanh có trị giá 8.673.000đ; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 13 Promax 128GB Graphite, màu xám có trị giá 20.433.000đ; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 13 Promax 128GB Aline Green, màu xanh có trị giá 21.903.000đ; 01 chiếc máy tính xách tay nhãn hiệu Asus, màu bạc, kèm theo bộ dây sạc máy tính có trị giá 9.422.000đ.

Vật chứng thu giữ: 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 13 Promax 128GB Aline Green, màu xanh, có số Imei: 359978120412279 và 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 64GB Green, màu xanh, có số Imei: 355435971018725, do chị Đào Thị Hiền L tự nguyện giao nộp; 01 máy tính xách tay nhãn hiệu Asus X415EA i3 1115G4/4GB/512GB/14" F/Win 11/(EK1386W), màu bạc, kèm theo bộ dây sạc của máy tính, do anh Trần Quốc H tự nguyện giao nộp. Những vật chứng này Cơ quan điều tra đã trả lại cho bị người sở hữu hợp pháp.

Đối với chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone Iphone 13 Promax 128GB Graphite, màu xám không thu hồi được do chị Đào Thị Hiền L đã bán lại cho một người khác, hiện nay không xác định được danh tính và địa chỉ.

Về trách nhiệm dân sự:

Số tài sản thu giữ và được trả lại bị hại Công ty N chỉ bán được số tiền 22.000.000đ, nên phía bị hại yêu cầu bị cáo Lê Văn N phải bồi thường tiếp số tiền 38.300.000đ, bị cáo Lê Văn N đã bồi thường đầy đủ số tiền 38.300.000đ thiệt hại cho Công ty N, nên Công ty N không còn yêu cầu gì thêm và đề nghị xin xem xét giảm nhẹ cho bị cáo N.

Chị Đào Thị Hiền L yêu cầu Đỗ Tiến D phải bồi thường số tiền 21.500.000đ; anh Trần Quốc H yêu cầu Đỗ Tiến D bồi thường số tiền 7.000.000đ; Lê Văn N yêu cầu Đỗ Tiến D bồi thường số tiền 2.000.000đ, hiện Đỗ Tiến D chưa bồi thường khoản nào cho ai.

Tại Cáo trạng số 03/CT-VKS-HK ngày 19/12/2022 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện H đã truy tố Lê Văn N về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo điểm c khoản 2 Điều 175 Bộ luật Hình sự; bị cáo Đỗ Tiến D về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo điểm c khoản 2 Điều 175 Bộ luật Hình sự và tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo khoản 1 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

Bị cáo Lê Văn N và Đỗ Tiến D khai nhận hành vi của mình như nội dung trên. Các bị cáo không có ý kiến gì tranh luận với quan điểm luận tội của đại diện Viện kiểm sát. Lời nói sau cùng, các bị cáo mong HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo, để các bị cáo sớm có cơ hội được hòa nhập trở lại đời sống xã hội. Về trách nhiệm dân sự bị cáo Đỗ Tiến D chấp nhận bồi thường theo yêu cầu của bị hại cũng như của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Đại diện Viện kiểm sát huyện H tham gia phiên tòa giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo Lê Văn N về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”; bị cáo Đỗ Tiến D về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” và tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng quy định tại điểm c khoản 2 Điều 175 Bộ luật Hình sự; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 (bị cáo Lê Văn N đề nghị áp dụng thêm điểm b khoản 1 Điều 51) Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Lê Văn N từ 30 đến 36 tháng tù, bị cáo Đỗ Tiến D từ 24 đến 30 tháng tù về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”; áp dụng khoản 1 Điều 174; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Đỗ Tiến D từ 06 đến 09 tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”; đồng thời đề nghị ghi nhận sự thỏa thuận bồi thường của bị cáo Đỗ Tiến D cho bị hại và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về căn cứ buộc tội: Tại phiên tòa, bị cáo Lê Văn N và Đỗ Tiến D khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Đối chiếu lời khai nhận tội của các bị cáo với lời khai của những người tham gia tố tụng và các tài liệu, chứng cứ đã thu thập có trong hồ sơ vụ án là phù hợp. Do vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định: Trong khoảng thời gian từ ngày 11/7/2022 đến ngày 29/8/2022 lợi dụng việc được giao nhiệm vụ nhận các linh kiện điện tử từ các cửa hàng trên địa bàn huyện H, tỉnh Hà Tĩnh để có nhiệm vụ giao lại cho Công ty Cổ phần đầu tư thương mại và phát triển N - Chi nhánh N, Lê Văn N đã nảy sinh ý định đưa tài sản đi cầm cố, nên Nam đã 04 lần lấy tài sản của Công ty rồi bàn bạc, thống nhất đưa cho Đỗ Tiến D đi cầm cố lấy tiền tiêu xài cá nhân, cụ thể: Lần thứ nhất vào ngày 12/7/2022 đã chiếm đoạt 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 13 Promax 128GB Aline Green, có trị giá 21.903.000đ; lần thứ hai ngày 16/8/2022 đã chiếm đoạt 01 chiếc máy tính xách tay nhãn hiệu Asus, màu

bạc, kèm theo bộ sạc máy tính có trị giá 9.422.000đ; lần thứ 3 ngày 23/8/2022 chiếm đoạt 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 13 Promax 128GB Graphite, màu xám có trị giá 20.433.000đ; lần thứ 4 ngày 29/8/2022 chiếm đoạt 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 64GB Green, màu xanh, có trị giá 8.673.000đ. Tổng giá trị tài sản các bị cáo chiếm đoạt là 60.431.000đ.

Ngoài ra, Đỗ Tiến D đã dùng thủ đoạn gian dối đưa ra thông tin không đúng sự thật, làm cho Lê Văn N tin tưởng chuyển số tiền 2.000.000đ cho D, sau đó D đã chiếm đoạt và tiêu xài cá nhân. Với thủ đoạn và số tiền các bị cáo đã chiếm đoạt như trên, thì hành vi của bị cáo Lê Văn N và Đỗ Tiến D đã đủ yếu tố cấu thành tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” quy định tại điểm c khoản 2 Điều 175 Bộ luật Hình sự; hành vi chiếm đoạt 2.000.000đ của bị cáo Đỗ Tiến D đã đủ yếu tố cấu thành thêm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

Vì vậy, Cáo trạng số 03/CT-VKS-HS ngày 19/12/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện H truy tố Lê Văn N và Đỗ Tiến D về tội danh, điều, khoản nói trên là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” các bị cáo đều phải chịu tình tiết tăng nặng “Phạm tội từ hai lần trở lên” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự; sau khi phạm tội các bị cáo đã đầu thú, đồng thời trong quá trình điều tra và tại phiên tòa đã thành khẩn khai báo nên các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự; riêng bị cáo Lê Văn Nam đã bồi thường cho bị hại nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Đối với tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” bị cáo Đỗ Tiến D không có tình tiết tăng nặng; sau khi phạm tội bị cáo đã đầu thú, thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[4] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, thực hiện với lỗi cố ý trực tiếp, xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ. Các bị cáo là người có sức khỏe nhưng không chịu tu dưỡng bản thân, lười lao động, thích hưởng thụ, biết rõ hành vi phạm tội của mình sẽ bị pháp luật nghiêm trị nhưng vẫn bất chấp, xem thường pháp luật để chiếm đoạt tài sản của người khác. Do đó, cần phải có mức án thật nghiêm, cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới đảm bảo tính giáo dục, răn đe và phòng ngừa tội phạm. Bị cáo Đỗ Tiến D phạm 02 tội nên cần áp dụng Điều 55 Bộ luật Hình sự để tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo phải chịu hình phạt chung của hai tội.

[5] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 174 và khoản 5 Điều 175 Bộ luật Hình sự thì ngoài hình phạt chính, các bị cáo còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000đ đến 100.000.000đ, nhưng Hội đồng xét xử xét thấy các bị cáo không có nghề nghiệp ổn định do đó miễn hình phạt bổ sung cho các bị cáo là phù hợp.

[6] Về trách nhiệm dân sự:

Công ty Cổ phần Đầu tư thương mại phát triển N không còn yêu cầu gì thêm về bồi thường dân sự nên Tòa án miễn xét.

Tại phiên tòa bị cáo Đỗ Tiến D thỏa thuận bồi thường theo yêu cầu của bị hại Lê Văn N và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Trần Quốc H, chị Đào Thị Hiền L, xét thấy sự thỏa thuận về bồi thường này là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật, đạo đức xã hội, Hội đồng xét xử cần chấp nhận sự thỏa thuận trên. Cụ thể buộc bị cáo Đỗ Tiến D phải bồi thường cho bị hại anh Lê Văn N số tiền 2.000.000đ; cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Chị Đào Thị Hiền L số tiền 21.500.000đ, cho anh Trần Quốc H số tiền 7.000.000đ.

[7] Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát đề nghị về điều luật áp dụng; tội danh truy tố; mức hình phạt; trách nhiệm dân sự là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về các nội dung khác: Đối với chị Đào Thị Hiền L và anh Trần Quốc H là người cho Đỗ Tiến D cầm cố, bán điện thoại, máy tính xách tay, nhưng cả chị L và anh H đều không biết đó là tài sản do phạm tội mà có, nên không có căn cứ để xem xét, xử lý trách nhiệm của chị L, anh H.

[9] Về án phí: Các bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm (bị cáo Đỗ Tiến D phải nộp thêm án phí dân sự sơ thẩm) theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 175; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Lê Văn N;

Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 175; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Đỗ Tiến D về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”;

Căn cứ khoản 1 Điều 174; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Đỗ Tiến D về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”;

Điều 48; Điều 55; Điều 58 Bộ luật Hình sự; Điều 584, 585, 586, 587, 589 và Điều 357 Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136, Điều 331, Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự. Khoản 1, 3 Điều 21; điểm a, c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Lê Văn N phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”; bị cáo Đỗ Tiến D phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” và tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

2. Về hình phạt:

2.1 Xử phạt bị cáo Lê Văn N 30 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày đi thi hành án.

2.2 Xử phạt bị cáo Đỗ Tiến D 24 tháng tù về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”, 06 tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Tổng hợp hình phạt của hai tội buộc bị cáo Đỗ Tiến D phải chấp hành hình phạt chung là 30 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 15/10/2022.

3. Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Đỗ Tiến D phải bồi thường cho bị hại Lê Văn N số tiền 2.000.000đ; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: chị Đào Thị Hiền L số tiền 21.500.000đ, cho anh Trần Quốc H số tiền 7.000.000đ.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án thì người phải thi hành án phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án và người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Về án phí: Buộc mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm; bị cáo Đỗ Tiến D 1.525.000đ án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo; bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án niêm yết.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có QL&NVLQ;
- VKSND huyện H;
- Công an huyện H;
- Trại tạm giam CA tỉnh Hà Tĩnh;
- Chi cục THADS huyện H;
- THA Hình sự;
- Sở Tư pháp tỉnh Hà Tĩnh;
- TAND tỉnh Hà Tĩnh;
- VKSND tỉnh Hà Tĩnh;
- Lưu: HSVA - VPTA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Mai Văn Đạt